TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 18 - 3 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long: (Không tham gia)

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2018/TLST-DS ngày 06/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân V

Địa chỉ trụ sở: số nhà S, Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Bé N - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Lê M, sinh năm 1971 - Chức vụ: Phó Giám đốc (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số nhà D, ấp T, xã Tr, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án, Quỹ tín dụng nhân dân V trình bày:

Ngày 19/9/2017, Quỹ tín dụng nhân dân V (sau đây viết tắt: Quỹ tín dụng) và bà Lê Thị Tuyết M ký kết Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số 1-0006613, số tiền vay 15.000.000đ, thời hạn vay 180 ngày, mục đích vay: phục

vụ nhu cầu đời sống, lãi suất trong hạn 36,5%/năm, lãi suất quá hạn tính bằng 150% nhân với lãi suất trong hạn tương ứng, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm, phương thức trả: gốc và lãi hàng ngày. Thực hiện hợp đồng, bà M thanh toán tiền gốc, lãi của hợp đồng là 3.837.600đ, rồi ngưng không thanh toán nữa. Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ gốc 11.747.400đ, tiền lãi trong hạn 495.000đ, tiền lãi quá hạn 6.547.500đ, lãi chậm trả 1.196đ, tổng cộng nợ gốc và lãi: 18.791.096đ.

Đối với bị đơn Lê Thị Tuyết M: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà M gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bà M vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn nợ nguyên đơn tổng cộng 22.886.844đ, trong đó nợ gốc 11.747.400đ, nợ lãi trong hạn 495.000đ, nợ lãi quá hạn 10.642.500đ, nợ lãi phạt chậm trả 1.944đ. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quỹ tín dụng khởi kiện bà M tranh chấp hợp đồng tín dụng vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số 1-0006613 ngày 19/9/2017 được ký kết giữa Quỹ tín dụng và bà M là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Quỹ tín dụng được Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long quyết định cấp giấy phép thành lập ngày 28/5/2015, được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Quỹ tín dụng có điều lệ hoạt động, có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 37, Điều 38 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN, ngày 31/3/2015 của Ngân hàng nhà nước "Quy định về Quỹ tín dụng nhân dân".

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh bà M ký nhận số tiền vay 15.000.000đ vào ngày 19/9/2017, đã thanh toán tổng cộng vốn, lãi 3.837.600đ (nợ gốc 3.252.600đ, nợ lãi 585.000đ), rồi ngưng không thanh toán nữa. Dư nợ của bà M chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30/11/2017. Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo

về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập dự phiên tòa sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Như vậy, bà M từ chối, không tham gia quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án, không cung cấp văn bản phản đối tình tiết, sự kiện do nguyên đơn đưa ra. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, buộc bà M trả Quỹ tín dụng nợ gốc 11.747.400đ.

Về tiền lãi: Hợp đồng cấp tín dụng ngày 19/9/2017 được bà M và Quỹ tín dụng thỏa thuận lãi suất trong hạn 36,5%/năm (tương đương 3,04%/tháng), lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn (tương đương 4,56%/tháng), lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam "Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng". Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, buộc bà M trả Quỹ tín dụng nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm nợ lãi trong hạn 495.000đ, nợ lãi quá hạn 10.642.500đ, nợ lãi phạt chậm trả 1.944đ. Như vậy, tổng cộng nợ gốc và lãi mà bà Mai buộc trả Quỹ tín dụng là 22.886.844đ.

[3] Án phí: Buộc bà M nộp 1.144.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Quỹ tín dụng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 37, 38 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN, ngày 31/3/2015 của Ngân hàng nhà nước "Quy định về Quỹ tín dụng nhân dân"; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam "Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng"; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân V.

Buộc bà Lê Thị Tuyết M trả Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền nợ gốc 11.747.400đ (mười một triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm đồng), nợ lãi trong hạn 495.000đ (bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng), nợ lãi quá hạn 10.642.500đ (mười triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng), nợ lãi phạt chậm trả 1.944đ (một ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi 22.886.844đ (hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị Tuyết M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

2. Án phí: Buộc bà Lê Thị Tuyết M nộp 1.144.000đ (một triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền tạm ứng án phí 470.000đ (bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai số No 0004141 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân